TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 97/2019/DS-PT.
Ngày : 17/9/2019
V*/v:* "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Ông Bạch Đăng Thi
Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Hiền
Bà Trần Thị Hà

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Ông Đặng Văn Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 17/9/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/TLPT- DS ngày 02 tháng 01năm 2019.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 30/2017/DS-ST ngày 06/9/2017 của Toà án nhân dân huyện Tân Yên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 60 ngày 04/3/2019, thông báo số 82 ngày 02/4/2019 về việc thay đổi thời gian mở lại phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa số 76 ngày 18/4/2019, quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 97 ngày 18/4/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 91 ngày 17/5/2019, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 26 ngày 17/6/2019, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 35 ngày 16/7/2019, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 44 ngày 16/8/2019, giữa:

* Nguyên đơn: Anh Dương Xuân H, sinh năm 1962 (Có mặt).
Nơi cư trú: số nhà 43, phố NX, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Ông Giáp Văn H1, sinh năm 1952 (Có mặt)
Nơi cư trú: thôn V, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang .

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1953 (Vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn V, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo anh Dương Xuân H là nguyên đơn trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên anh đã nhiều lần cho vợ chồng ông H1, bà C vay tiền, khoảng năm 2012, do vợ chồng ông H1 bà C không trả được tiền vay trước đó nên anh đã khởi kiện tại Tòa án yêu cầu giải quyết với số tiền gốc là 294.000.000 đồng, khi giải quyết tại Tòa án thì giữa anh với vợ chồng ông H1có thỏa thuận là ông H1 trả cho anh một khuôn đất trị giá là 200.000.000 đồng. Còn nợ lại 94.000.000 đồng, sau đó thì anh rút đơn. Đến ngày 17/12/2015, ông H1viết lại giấy biên nhận vay tiền của số tiền còn nợ lại là 94.000.000 đồng, khi viết giấy biên nhận thì giữa anh với ông H1có thỏa thuận là thời hạn vay 03 tháng, lãi suất theo thỏa thuận. Đến hạn trả nợ, anh đã đến nhà ông H1đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông H1không trả. Nay anh xác định số nợ trên là nợ chung của vợ chồng ông H1bà C, anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H1, bà C phải có trách nhiệm trả anh số tiền gốc là 94.000.000 đồng và lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng nhà nước là 0,75%/tháng kể từ 17/12/2015 đến khi xét xử. Đến thời hạn trả tiền mà vợ chồng ông H1không trả thì anh yêu cầu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo quy định của pháp luật

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo ông Giáp Văn H1trình bày: Trước đây ông có vay của anh H số tiền 200.000.000 đồng cho một người bạn, khi vay tiền thì các bên có nói với nhau là lãi suất 3.000 đồng/01 triệu đồng/ngày, thời hạn vay khoảng một tuần. Sau khi ông vay hộ số tiền trên thì người bạn không có khả năng trả nợ, nên anh H đã nhiều lần đòi tiền ông và anh H tính lãi đến thời điểm đó là 94.000.000 đồng. Ông không đồng ý với số tiền lãi trên thì anh H đã khởi kiện ra Tòa án để giải quyết, khi Tòa án giải quyết thì ông đã trả cho anh H 01 khuôn đất trị giá 200.000.000 đồng, còn tiền lãi thì tính theo Ngân hàng thành 34.000.000 đồng và giữa ông với anh H có lập giấy cam kết trả nợ ngày 14/5/2013 với nội dung là "ông trả cho anh H 200.000.000 đồng gốc anh H rút đơn khởi kiện và tính lãi đến thời điểm rút đơn là 34.000.000 đồng và thỏa thuận khi nào ông có điều kiện thì trả…". Đến cuối năm 2016, anh H có gọi ông đến nhà để viết lại giấy nhận nợ, khi đó ông chỉ nhận nợ số tiền là 34.000.000 đồng chứ không phải số tiền là 94.000.000 đồng như trong giấy nộp tại Tòa án.

Nay anh H yêu cầu ông trả số tiền trên, ông không nhất trí, ông xác định chỉ còn nợ số tiền là 34.000.000 đồng và khi nào có điều kiện thì ông trả cho anh H. Đối với yêu cầu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền của anh H thì ông không nhất trí và ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai và lời khai tiếp theo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C trình bầy:

Trước đây ông H1chồng của bà có vay của anh H số tiền 200.000.000 đồng để cho người khác vay lại, sau đó không trả được nên anh H đã khởi kiện ông H1 ra Tòa án, khi giải quyết tại Tòa án thì bà đã phải mượn một khuôn đất của em gái để trả cho anh H trị giá là 200.000.000 đồng, khi trả cho anh H khuôn đất trên bà có nói với anh H là cho xin tiền lãi, nhưng anh H không nói có cho hay không, mà anh H chỉ nói là cứ trả tiền gốc đi. Nay bà xác định không liên quan gì đến khoản nợ trên, bà không nhất trí trả cho anh H số tiền trên.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 30/2018/DS-ST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đã xử :

Áp dụng khoản 1 Điều 147, khoản 1, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 466, 470 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Buộc ông Giáp Văn H1và bà Nguyễn Thị C phải thanh toán trả cho anh Dương Xuân H số tiền gốc là 94.000.000đ (Chín mươi tư triệu đồng) và lãi suất tính đến ngày 06/9/2017 là 14.570.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền yêu cầu thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 06/9/2017, ông Giáp Văn H1 là bị đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Dương Xuân H là nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và ông Giáp Văn H1 là bị đơn không rút đơn kháng cáo, ông H1xác định nội dung kháng cáo là chỉ còn nợ lại anh H số tiền lãi 34 triệu đồng. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Ông Giáp Văn H1: Đề nghị giám định chữ kí của anh H trong giấy xác nhận (trả nợ tiền) thể hiện nội dung hôm nay ngày 17/11/2016 tại nhà anh H chúng tôi thống nhất anh H xác nhận cho tôi đã trả đủ số tiền gốc là 200 triệu đồng, tôi xác nhận còn nợ lãi anh là 34 triệu đồng khi nào tôi có điều kiện sẽ trả lãi cho anh sau. giấy xác nhận (trả nợ tiền) này là do ông H1mới xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm.

Anh Dương Xuân H trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giấy xác nhận (trả nợ tiền) do ông H1 mới xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm, anh không biết và không có thỏa thuận hay kí gì vào biên bản này.

+ Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang và các đương sự đã chấp hành đầy đủ các trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Giáp Văn H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông H1phải chịu 3.500.000 đồng tiền chi phí giám định (ông H1đã nộp đủ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét đơn kháng cáo của ông Giáp Văn H1thì thấy:

Anh Dương Xuân H yêu cầu vợ chồng ông Giáp Văn H1, bà Nguyễn Thị C phải trả số tiền 94.000.000 đồng gốc và anh H có cung cấp giấy biên nhận vay tiền lập ngày 17/12/2015. Còn ông H1, bà C cho rằng số tiền trên là khoản lãi của số tiền vay 200.000.000 đồng trước đó và ông H1, bà C không đồng ý trả số tiền trên. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thụ lý số 31/2012/DSST ngày 25/7/2012 (đã đình chỉ) thể hiện, ông H1 bà C vay của anh H hai lần tiền, ngày 03/8/2011 vay số tiền là 200.000.000 đồng và ngày 17/12/2011 vay 294.000.000 đồng, các lần vay trên ông H1bà C đều ký vào giấy vay tiền, trong quá trình giải quyết vụ án ông H1 bà C đều thừa nhận có ký vào hai giấy biên nhận trên (trong vụ án này anh H chỉ khởi kiện ông H1, bà C số tiền 294.000.000 đồng của giấy biên nhận ngày 17/12/2011). Trong quá trình giải quyết vụ án ông H1bà C đều thừa nhận đã trả cho anh H được một khuôn đất trị giá 200.000.000 đồng. Như vậy, số tiền gốc ghi trong biên nhận ngày 17/12/2011 còn là 94.000.000 đồng. Điều đó được thể hiện ngày 17/12/2015 ông H1tiếp tục ký vào giấy biên nhận vay của anh H số tiền 94.000.000 đồng (tài liệu trên anh H đã nộp trong hồ sơ vụ án) ông H1không thừa nhận có ký nhận nợ anh H số tiền 94.000.000 đồng mà chỉ ký nhận nợ số tiền là 34.000.000 đồng. Ý kiến của ông H1về giấy biên nhận vay ngày 17/12/2015 giữa ông với anh H phần chữ ký người vay giống với chữ ký của ông và ông H1không yêu cầu giám định chữ ký trong giấy biên nhận trên. Từ các chứng cứ trên đều thể hiện ông H1còn nợ anh H số tiền 94.000.000 đồng gốc. Việc ông H1, bà C không thừa nhận còn nợ anh H số tiền trên là không có căn cứ.

Đối với giấy cam kết trả nợ lập ngày 14/5/2013 mà ông H1nộp tại Tòa án, ông H1cho rằng đã tính lãi đến ngày 14/5/2013 chỉ còn nợ tiền lãi là 34.000.000 đồng. Anh H có thừa nhận chữ ký của anh H trong giấy cam kết trên, nhưng anh H xác định cam kết trên là khoản lãi của lần vay khác chứ không liên quan gì đến khoản vay mà hiện anh đang khởi kiện tại Tòa án. Qua xem xét nội dung giấy cam kết trên Hội đồng xét xử thấy: Nội dung trong giấy cam kết thể hiện ngày 17/12/2011 ông H1vay của anh H số tiền 200.000.000 đồng, nhưng trong giấy vay tiền đề ngày 17/12/2011, ông H1 bà C vay số tiền 294.000.000 đồng và ông H1, bà C đều thừa nhận chữ ký của mình trong giấy vay trên.

Trong quá trình xét xử phúc thẩm vụ án, ông Giáp Văn H1đã nộp thêm tài liệu chứng cứ "Giấy xác nhận (trả nợ tiền)" giữa ông và anh Dương Xuân H trong nội dung giấy vay tiền có xác nhận là ông H1chỉ còn nợ anh Dương Xuân H

34.000.000 đồng (Ba mươi tư triệu đồng), anh Dương Xuân H có kí và ghi họ tên dưới mục "Bên cho vay" của "Giấy xác nhận (trả nợ tiền)". Tuy nhiên, anh Dương Xuân H không thừa nhận "Giấy xác nhận (trả nợ tiền)" trên, nên ngày 24/7/2019 ông Giáp Văn H1đã đề nghị giám định chữ ký, chữ viết Dương Xuân H ở dưới mục Bên cho vay trong Giấy xác nhận (trả nợ tiền). Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã ra quyết định trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết Dương Xuân H trong Giấy xác nhận (trả nợ tiền)" dưới mục "Bên cho vay". Theo kết luận giám định số: 1341/KL-KTHS ngày 20/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang thì chữ ký, chữ viết bằng mực màu đen dưới mục "Bên cho vay" trên tài liệu cần giám định kí hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Dương Xuân H trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đều không phải do cùng một người ký, viết ra. Như vậy theo kết luận giám định thì chữ ký và chữ viết dưới mục Bên cho vay của Giấy xác nhận (trả nợ tiền) do ông H1xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm không phải là chữ ký và chữ viết của anh Dương Xuân H. Nên kháng cáo của ông Giáp Văn H1là không có căn cứ chấp nhận. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông H1, bà C phải thanh toán trả nợ anh H số tiền gốc vay là 94.000.000 đồng.

[2]. Về lãi suất phát sinh: Tại biên nhận vay tiền giữa anh H với ông H1có thỏa thuận lãi suất, nhưng không xác định rõ lãi suất nên cần áp dụng khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 để tính lãi suất số tiền vay. Mặt khác, anh H cũng chỉ yêu cầu ông H1, bà C trả lãi suất theo lãi suất ngân hàng nhà nước là 0,75%/tháng, do đó lãi suất cụ thể: Thời điểm ông H1viết giấy biên nhận vay tiền của anh H là ngày 17/12/2015, lãi suất tính đến ngày 06/9/2017 là 94.000.000đ x 0,75%/tháng x 20 tháng 20 ngày = 14.570.000 đồng. Về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền anh H với ông H1, bà C không thỏa thuận được với nhau do đó cần áp dụng Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, để xác định lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ.

[3]. Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định chữ ký, chữ viết Dương Xuân H trong Giấy xác nhận (trả nợ tiền) là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Do ông Giáp Văn H1 yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết Dương Xuân H trong Giấy xác nhận (trả nợ tiền). Tuy nhiên, Kết luận giám định số: 1341/KL-KTHS ngày 20/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Giang đã kết luận chữ ký, chữ viết đó không phải là chữ ký, chữ viết của anh Dương Xuân H nên ông Giáp Văn H1phải chịu toàn bộ tiền chi phí giám định.

[4]. Về án phí: Ông H1, bà C thuộc diện người cao tuổi, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên ông H1bà C được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Giáp Văn H1được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả anh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của ông Giáp Văn H1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 147, khoản 1, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 466, 470 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Buộc ông Giáp Văn H1và bà Nguyễn Thị C phải thanh toán trả cho anh Dương Xuân H số tiền gốc là 94.000.000đ (chín mươi tư triệu đồng) và lãi suất tính đến ngày 06/9/2017 là 14.570.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[2]. Về chi phí tố tụng: Áp dụng khoản 1 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Giáp Văn H1phải chịu 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí giám định. Xác nhận ông Giáp Văn H1đã thanh toán đủ số tiền trên.

[3].Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Giáp Văn H1bà Nguyễn Thị C

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Giáp Văn H1.

Hoàn trả anh Dương Xuân H 2.350.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh Hđã nộp theo biên lai số AA/2016/0003585 ngày 31/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện Tân Yên;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã kí)

Bạch Đăng Thi